Chủ thể nào dưới đây đang áp dụng pháp luật?

Câu 1 **Chủ thể nào dưới đây đang áp dụng pháp luật?**

A. Giáo viên tham dự kỳ thi nâng hạng chức danh nghề nghiệp.

B. Công dân tiến hành nộp thuế theo quy định của pháp luật.

C. Công chức tư pháp giải thích pháp luật cho công dân.

D. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký chữ ký số tại cơ quan có thẩm quyền.

Câu 2 **Hành vi nào dưới đây là hành vi thi hành pháp luật?**

A. Đăng ký tham gia xét tuyển vào đại học.

B. Không dừng đỗ xe ở nơi có biển cấm đỗ xe.

C. Tố giác hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

D. Tiến hành xử phạt hành vi vi phạm giao thông đường bộ.

Câu 3 **Chủ thể sử dụng pháp luật bằng cách thức nào?**

A. Ra quyết định làm phát sinh quan hệ pháp luật.

B. Thực hiện hành vi theo quy định mà pháp luật cho phép.

C. Không thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm.

D. Ra quyết định làm chấm dứt quan hệ pháp luật.

Câu 4 **Yếu tố khác biệt cơ bản giữa áp dụng pháp luật với các hình thức thực hiện pháp luật khác là gì?**

A. Khách thể.

B. Nội dung.

C. Chủ thể.

D. Mục đích.

Câu 5 **Vi phạm pháp luật là ….. trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.**

A. suy nghĩ

B. hành vi

C. quan điểm

D. hành động

Câu 6 **Yếu tố nào không thuộc mặt chủ quan của vi phạm pháp luật?**

A. Phương tiện vi phạm.

B. Lỗi.

C. Mục đích.

D. Động cơ.

Câu 7 **Lỗi của chủ thể vi phạm pháp luật là gì?**

A. Trạng thái tâm lý đối với hành vi trái pháp luật và hậu quả của hành vi.

B. Kết quả trong ý thức chủ quan mà chủ thể mong muốn đạt được.

C. Thiệt hại về con người, tài sản và vật chất khác.

D. Nguyên nhân thúc đẩy chủ thể vi phạm pháp luật.

Câu 8 **Xác định hình thức lỗi trong tình huống sau: “Bác sĩ để quên dụng cụ khi phẫu thuật cho bệnh nhân”.**

A. Vô ý do cẩu thả.

B. Vô ý vì quá tự tin.

C. Cố ý gián tiếp.

D. Cố ý trực tiếp.

Câu 9 **Hình thức lỗi nào luôn chứa đựng cả động cơ và mục đích vi phạm pháp luật?**

A. Cố ý gián tiếp.

B. Cố ý trực tiếp.

C. Vô ý vì quá tự tin.

D. Vô ý do cẩu thả.

Câu 10 **Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, thì loại vi phạm pháp luật nào nguy hiểm nhất?**

A. Hình sự.

B. Kỷ luật.

C. Hành chính.

D. Dân sự.

Câu 11 **Biện pháp cưỡng chế nhà nước nào dưới đây được coi là nghiêm khắc nhất?**

A. Tù có thời hạn.

B. Phong tỏa tài khoản.

C. Cấm đi khỏi nơi cư trú.

D. Bắt, tạm giữ, tạm giam.

Câu 12 **Xét các điều kiện của chủ thể, khi nào chủ thể không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý?**

A. Bị tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự.

B. Đang tham gia nghĩa vụ quân sự.

C. Là công dân nước ngoài.

D. Đang trong thời gian nuôi con nhỏ.

Câu 13 **Nguồn chủ yếu của hệ thống Common Law là gì?**

A. Án lệ.

B. Văn bản quy phạm pháp luật.

C. Tập quán.

D. Điều ước quốc tế.

Câu 14 **Công dân thực hiện nghĩa vụ một cách chủ động, tích cực là hình thức… pháp luật.**

A. tuân thủ

B. áp dụng

C. sử dụng

D. thi hành

Câu 15 **Vi phạm kỷ luật xâm hại đến…**

A. quyền tài sản và nhân thân của cá nhân.

B. quan hệ chấp hành – điều hành trong cơ quan nhà nước.

C. quan hệ quản lý giữa nhà nước với công dân.

D. các quy tắc, quy định, quy chế trong các đơn vị, cơ quan.

Câu 16 **Nội dung nào dưới đây không thuộc dấu hiệu nhận biết vi phạm pháp luật?**

A. Khách thể bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại.

B. Tính trái pháp luật của hành vi.

C. Lỗi của chủ thể.

D. Năng lực trách nhiệm pháp lý của chủ thể.

Câu 17 **Điểm khác biệt cơ bản giữa hai hệ thống Common Law và Civil Law là gì?**

A. Phạm vi áp dụng của hệ thống PL.

B. Nguồn pháp luật và nguyên tắc giải quyết tranh chấp.

C. Căn cứ phân chia hệ thống pháp luật.

D. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh.

Câu 18 **Pháp luật La Mã cổ đại được hệ thống pháp luật nào tiếp thu và mô phỏng lại?**

A. Xã hội chủ nghĩa.

B. Châu Âu lục địa.

C. Anh – Mỹ.

D. Hồi giáo.

Câu 19 **Khái niệm hệ thống pháp luật ở phạm vi hẹp được hiểu là?**

A. Hệ thống các quy phạm pháp luật do một nhóm quốc gia ban hành.

B. Hệ thống các quy phạm pháp luật của một quốc gia nhất định.

C. Hệ thống các nguyên tắc và học thuyết chính trị, pháp lý.

D. Hệ thống các văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý thống nhất.

Câu 20 **Thành tố nhỏ nhất của hệ thống pháp luật là?**

A. Điều luật.

B. Ngành luật.

C. Quy phạm pháp luật.

D. Chế định pháp luật.

Câu 21 **Khẳng định nào dưới đây là ĐÚNG?**

A. QPPL thể hiện sâu sắc ý chí của nhà nước.

B. Tín điều tôn giáo, tập quán là những quy tắc xã hội có phạm vi áp dụng rộng hơn QPPL.

C. Đạo đức, tôn giáo có tính hệ thống và xác định về hình thức.

D. QPPL là loại quy tắc xã hội duy nhất có tính quy phạm.

Câu 22 **Điểm khác biệt cơ bản giữa quy phạm pháp luật với các quy phạm xã hội khác là gì?**

A. Chủ thể sử dụng.

B. Nguồn gốc hình thành.

C. Thuộc tính cưỡng chế.

D. Hình thức thể hiện.

Câu 23 **Để xác định cách thức xử sự của chủ thể thì cần tìm bộ phận nào trong quy phạm pháp luật?**

A. Giả định.

B. Giả thiết.

C. Quy định.

D. Chế tài.

Câu 24 **Tập quán pháp có ưu điểm gì?**

A. Được xây dựng theo trình tự, thủ tục chặt chẽ.

B. Thể hiện rõ nét tính quyền lực bắt buộc chung.

C. Tồn tại lâu trong đời sống, nên mọi người tự giác tuân thủ.

D. Đưa ra cách thức giải quyết tranh chấp linh hoạt.

Câu 25 **Hình thức chủ yếu của kiểu pháp luật chủ nô là gì?**

A. Án lệ.

B. Tập quán pháp.

C. Văn bản quy phạm pháp luật.

D. Tiền lệ pháp.

Câu 26 **“Quy phạm” được hiểu là:**

A. Phạm vi nghĩa vụ do pháp luật quy định.

B. Phạm vi quyền được pháp luật quy định.

C. Giới hạn quyền và nghĩa vụ quy định trong các văn bản pháp luật.

D. Khuôn mẫu xử sự cho hành vi của các chủ thể trong xã hội.

Câu 27 **Cách xử sự mà pháp luật bắt buộc một bên phải thực hiện trong quan hệ pháp luật là:**

A. Nghĩa vụ pháp lý.

B. Chấp hành pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Quyền chủ thể.

Câu 28 **Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính … đối với mọi người.**

A. trấn áp

B. tự nguyện

C. bắt buộc chung

D. hòa giải

Câu 29 **Khẳng định nào SAI?**

A. Nguyên nhân ra đời nhà nước cũng chính là nguyên nhân làm xuất hiện PL.

B. Hình thức nhà nước tương đồng với hình thức của PL.

C. Bản chất của nhà nước quyết định bản chất của PL.

D. Kiểu PL gắn liền với kiểu nhà nước.

Câu 30 **Những lợi ích vật chất, tinh thần mà các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hướng tới là … của quan hệ pháp luật.**

A. nội dung

B. khách thể

C. chủ thể

D. giá trị

Câu 31 **Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, pháp luật được thể hiện chủ yếu bằng hình thức nào?**

A. Quy phạm bất thành văn.

B. Văn bản quy phạm pháp luật.

C. Hệ thống dữ liệu điện tử.

D. Bản án, quyết định của tòa án.

Câu 32 **Cơ quan có thẩm quyền lựa chọn và công bố án lệ ở Việt Nam hiện nay là:**

A. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

B. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

C. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

D. Các thiết chế hiến định độc lập.

Câu 33 **Điểm khác nhau cơ bản giữa quan hệ pháp luật và quan hệ xã hội khác là?**

A. Nội dung của quan hệ.

B. Mục đích tham gia quan hệ.

C. Được pháp luật điều chỉnh.

D. Tính ý chí của chủ thể.

Câu 34 **Dựa vào những căn cứ nào để phân biệt các kiểu pháp luật trong lịch sử?**

A. Phạm vi tác động về không gian và thời gian.

B. Điều kiện tồn tại, bản chất và đặc trưng.

C. Nội dung và hình thức thể hiện.

D. Chủ thể ban hành và thừa nhận.

Câu 35 **Trong lịch sử, không có sự tồn tại của kiểu pháp luật nào?**

A. Xã hội chủ nghĩa.

B. Cộng sản nguyên thủy.

C. Phong kiến.

D. Chủ nô.

Câu 36 **Bộ phận giả định của quy phạm pháp luật trả lời cho câu hỏi nào?**

A. Chủ thể phải gánh chịu hậu quả pháp lý nào?

B. Chủ thể phải làm gì và làm như thế nào?

C. Chủ thể ở trong điều kiện, hoàn cảnh nào?

D. Chủ thể có biện pháp giải quyết tình huống nào?

Câu 37 **Căn cứ xác định mối quan hệ giữa công dân với một nhà nước?**

A. Nơi đăng ký thường trú.

B. Quyền tham gia bầu cử.

C. Quan điểm chính trị.

D. Quốc tịch.

Câu 38 **Cơ sở khoa học để phân chia các kiểu pháp luật là Học thuyết Mác - Lênin về:**

A. Sự phát triển của các nền văn minh.

B. Hình thái kinh tế xã hội.

C. Giá trị thặng dư.

D. Đấu tranh giai cấp.

Câu 39 **Bộ phận nào có thể thiếu trong cấu trúc của QPPL?**

A. Chế tài.

B. Giả định.

C. Chế định.

D. Giả thiết.

Câu 40 **Căn cứ cơ bản để phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác là … của pháp luật.**

A. hình thức

B. bản chất

C. đặc trưng cơ bản

D. vai trò

Câu 41 **Theo Học thuyết Mác - Lênin, nguyên nhân nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước?**

A. Do Thượng đế sinh ra.

B. Phát triển từ gia đình.

C. Chiến tranh, bạo lực.

D. Các tiền đề kinh tế - xã hội.

Câu 42 **Nhà nước là bộ phận nào của cấu trúc xã hội?**

A. Kiến trúc thượng tầng.

B. Cơ sở hạ tầng.

C. Phương thức sản xuất.

D. Quan hệ sản xuất.

Câu 43 **Biểu hiện chủ yếu của quyền lực Nhà nước (NN) là:**

A. Giai cấp thống trị nắm chính quyền.

B. Sức mạnh cưỡng chế.

C. Tổ chức rộng lớn.

D. Nền tảng kinh tế.

Câu 44 **Cơ sở xác định mối quan hệ pháp lý về quyền và nghĩa vụ của cá nhân đối với nhà nước là:**

A. Quốc dân.

B. Quốc tịch.

C. Quốc gia.

D. Pháp luật.

Câu 45 **Chọn từ đúng về vị trí của Quốc hội nước ta: "Quốc hội là cơ quan …cao nhất của Nhân dân"**

A. Giám sát.

B. Thẩm quyền.

C. Đại diện.

D. Đại biểu.

Câu 46 **“Kiềm chế, đối trọng, chế ước lẫn nhau” là biểu hiện của nguyên tắc nào trong tổ chức bộ máy nhà nước?**

A. Tập trung quyền lực.

B. Phân chia quyền lực.

C. Bình đẳng, tự nguyện.

D. Vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

Câu 47 **Tương ứng với mỗi hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp là một …**

A. kiểu nhà nước

B. hình thức nhà nước

C. chế độ chính trị

D. hình thức chính thể.

Câu 48 **Cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Việt Nam là:**

A. Chủ tịch Nước.

B. Chính phủ.

C. VKS Tối cao.

D. TAND Tối cao.

Câu 49 **Trong Hệ thống chính trị nước ta, tổ chức nào có vai trò trung tâm?**

A. Đảng CSVN.

B. Nhà nước CHXHCNVN.

C. Mặt trận TQVN.

D. Đoàn, Hội thanh niên.

Câu 50 **Một trong những vấn đề hoàn thiện Nhà nước Việt Nam là:**

A. Tăng cường pháp chế XHCN.

B. Xây dựng, phát triển kinh tế.

C. Củng cố an ninh, quốc phòng.

D. Tích cực hội nhập quốc tế.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app